

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT
CHUYỂN ĐỔI VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày / /2020 của Giám đốc Học viện)

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
1	Mai Minh Đức (Lớp: D15CQVT06-B MSV: B15DCVT078 Ngày sinh: 13/09/1997 CMT/CC: 163348396)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 640), cấp ngày 08/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 08/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
2	Phạm Đình Quang (Lớp: D15CQVT02-B MSV: B15DCVT322 Ngày sinh: 09/06/1997 CMT/CC: 152149711)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 15/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 15/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.5	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
3	Nguyễn Thu Quỳnh (Lớp: D15CQVT02-B MSV: B15DCVT330 Ngày sinh: 16/03/1997 CMT/CC: 168562967)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 25/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.9	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.2	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
4	Trần Ngọc Khánh (Lớp: D15CQVT05-B MSV: B15DCVT205 Ngày sinh: 23/04/1997 CMT/CC: 031924749)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.8	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	4.7	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.0	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
5	Phạm Văn Trì (Lớp: D15CQVT02-B MSV: B15DCVT410 Ngày sinh: 23/06/1997 CMT/CC: 152133822)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 30/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 30/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
6	Vũ Tiến Phúc (Lớp: D15CQVT05-B MSV: B15DCVT301 Ngày sinh: 08/07/1997 CMT/CC: 013389653)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 955), cấp ngày 12/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 12/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	C	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	C	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
7	Lê Mạnh Cường (Lớp: D15CQVT03-B MSV: B15DCVT051 Ngày sinh: 01/07/1997 CMT/CC: 117227103)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.7	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
8	Trương Hồng Hải (Lớp: D15CQVT08-B MSV: B15DCVT128 Ngày sinh: 14/08/1997 CMT/CC: 187678541)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 540), cấp ngày 19/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 19/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	3.6	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
9	Âu Quang Hiếu (Lớp: D15CQVT04-B MSV: B15DCVT148 Ngày sinh: 16/09/1997 CMT/CC: 001097002085)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 18/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 18/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Hồng Sơn (Lớp: D15CQVT01-B MSV: B15DCVT345 Ngày sinh: 01/02/1997 CMT/CC: 017461938)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 18/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 18/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.5	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
11	Nguyễn Tuấn Sơn (Lớp: D15CQVT05-B MSV: B15DCVT349 Ngày sinh: 06/12/1997 CMT/CC: 017363011)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 12/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 12/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.9	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Nguyễn Hữu Thắng (Lớp: D15CQVT01-B)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	8	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.1	8	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
12	MSV: B15DCVT361 Ngày sinh: 19/04/1997 CMT/CC: 017346273)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	7	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 18/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 18/5/2022
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.4	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
13	Trần Văn Nghĩa (Lớp: D15CQVT01-B MSV: B15DCVT281 Ngày sinh: 06/04/1997 CMT/CC: 164597001)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 480), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.7	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
14	Nguyễn Văn Hưng (Lớp: D15CQVT08-B MSV: B15DCVT184 Ngày sinh: 28/07/1997 CMT/CC: 142917212)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.5	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	2.7	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.3	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
15	Lê Đức Doanh (Lớp: D15CQCN02-B MSV: B15DCCN123 Ngày sinh: 12/03/1997 CMT/CC: 174572150)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 31/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 31/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.6	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.7	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
16	Trần Sách Kiên (Lớp: D15CQCN06-B MSV: B15DCCN292 Ngày sinh: 25/02/1997)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	1.6	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
16	CMT/CC: 152156488)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	ngày 10/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 10/6/2022
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
17	Trần Thế Lâm (Lớp: D15CQC�N10-B MSV: B15DCCN296 Ngày sinh: 24/03/1997 CMT/CC: 168566194)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 540), cấp ngày 15/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 15/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.3	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
18	Nguyễn Thị Thu (Lớp: D15CQC�N03-B MSV: B15DCCN542 Ngày sinh: 12/04/1997 CMT/CC: 163439414)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 05/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 05/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	3.9	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
19	Lê Hồng Khánh (Lớp: D15CQC�N01-B MSV: B15DCCN287 Ngày sinh: 02/11/1997 CMT/CC: 152161845)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 520), cấp ngày 13/02/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/02/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.7	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
20	Trần Lam Sơn (Lớp: D15CQC�N05-B MSV: B15DCCN467 Ngày sinh: 19/08/1997 CMT/CC: 013434104)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 745), cấp ngày 03/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 03/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
21	Lê Tiến Nam (Lớp: D15CQC09-B MSV: B15DCCN383 Ngày sinh: 30/03/1997 CMT/CC: 145735531)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 17/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 17/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
22	Trần Bảo Dương (Lớp: D15CQC05-B MSV: B15DCCN159 Ngày sinh: 09/08/1997 CMT/CC: 163348118)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 08/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 08/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.1	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.3	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
23	Nguyễn Văn Thành (Lớp: D15CQC03-B MSV: B15DCCN520 Ngày sinh: 17/05/1994 CMT/CC: 033094000072)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 08/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 08/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
24	Đào Đình Luyện (Lớp: D15CQC02-B MSV: B15DCCN332 Ngày sinh: 04/07/1997 CMT/CC: 001097002006)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 760), cấp ngày 18/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 18/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
25	Nguyễn Ngọc Hải (Lớp: D15CQC�N09-B MSV: B15DCCN185 Ngày sinh: 16/08/1997 CMT/CC: 141784670)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 08/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 08/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
26	Nguyễn Hữu Thiệp (Lớp: D15CQC�N03-B MSV: B15DCCN531 Ngày sinh: 22/12/1997 CMT/CC: 017275232)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.6	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 12/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 12/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.3	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
27	Phạm Thanh Sơn (Lớp: D15CQC�N08-B MSV: B15DCCN459 Ngày sinh: 04/08/1997 CMT/CC: 163435197)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	0.0	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	0.0	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
28	Nguyễn Quảng Phúc (Lớp: D15CQC�N05-B MSV: B15DCCN412 Ngày sinh: 20/12/1997 CMT/CC: 013408295)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS (điểm thi: 6.5), cấp ngày 31/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 31/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Vũ Đình Quang (Lớp: D15CQC�N11-B)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.2	8	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.9	8	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
29	MSV: B15DCCN440 Ngày sinh: 07/03/1997 CMT/CC: 145770694)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	2.3	7	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 26/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 26/6/2022
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.8	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
30	Lê Văn Quang (Lớp: D15CQAT02-B MSV: B15DCAT134 Ngày sinh: 11/03/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 25/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.5	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
31	Phạm Lê Duy (Lớp: D15CQAT02-B MSV: B15DCAT058 Ngày sinh: 11/09/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	8.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 855), cấp ngày 14/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 14/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	8.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	9.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
32	Trần Văn Tiến (Lớp: D15CQAT03-B MSV: B15DCAT163 Ngày sinh: 06/10/1996 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 44048, thời hạn của chứng chỉ: 44778
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.7	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
33	Ngô Nhân Đức (Lớp: D15CQDT02-B MSV: B15DCDT038 Ngày sinh: 02/08/1997)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	C	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.9	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
33	CMT/CC: 0)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	ngày 22/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 22/01/2022
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
34	Nguyễn Văn Huy (Lớp: D15CQDT01-B MSV: B15DCDT101 Ngày sinh: 13/05/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 715), cấp ngày 10/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 10/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
35	Tạ Minh Hiếu (Lớp: D15CQDT02-B MSV: B15DCDT074 Ngày sinh: 27/12/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 08/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 08/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
36	Trương Văn Tuấn (Lớp: D15CQDT03-B MSV: B15DCDT211 Ngày sinh: 10/01/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 30/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 30/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.4	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
37	Nguyễn Hoàng Sơn (Lớp: D15CQDT04-B MSV: B15DCDT168 Ngày sinh: 28/11/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.4	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
38	Ngô Phú Hưng (Lớp: D15CQDT03-B MSV: B15DCDT091 Ngày sinh: 17/04/1996 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.1	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	8.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.8	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
39	Nguyễn Thu Hòa (Lớp: D15TKDPT1 MSV: B15DCPT097 Ngày sinh: 22/08/1997 CMT/CC: 152164281)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 660), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	5.8	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	6.1	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.5	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
40	Nguyễn Thúy Hằng (Lớp: D15TKDPT1 MSV: B15DCPT071 Ngày sinh: 03/06/1997 CMT/CC: 013382139)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.4	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 09/3/2020, thời hạn của chứng chỉ: 09/3/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.5	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.5	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
41	Cao Văn Biễn (Lớp: D15TKDPT2 MSV: B15DCPT017 Ngày sinh: 16/05/1997 CMT/CC: 142891512)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.8	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 25/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.2	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.2	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
42	Vũ Thị Hảo Hảo (Lớp: D15TKDPT3 MSV: B15DCPT075 Ngày sinh: 19/11/1997 CMT/CC: 017469174)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 10/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 10/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
43	Trần Thị Phương Anh (Lớp: D15CQMR02-B MSV: B15DCMR005 Ngày sinh: 01/01/1997 CMT/CC: 001197004251)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 09/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 09/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.2	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
44	Trần Thị Hương (Lớp: D15CQKT03-B MSV: B15DCKT071 Ngày sinh: 13/06/1997 CMT/CC: 017469658)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.5	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 08/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 08/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.2	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.6	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
45	Ngô Lê Mỹ Hoa (Lớp: D15CQKT01-B MSV: B15DCKT057 Ngày sinh: 24/12/1997 CMT/CC: 135768980)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 23/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.6	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.4	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Phạm Thu Hải (Lớp: D15CQKT03-B)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
46	MSV: B15DCKT039 Ngày sinh: 19/10/1997 CMT/CC: 174624510)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 22/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 22/5/2022
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.7	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
47	Phạm Thị Hải Yến (Lớp: D15CQKT02-B MSV: B15DCKT210 Ngày sinh: 28/01/1997 CMT/CC: 031197001211)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.3	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
48	Nguyễn Mạnh Cường (Lớp: D15CQQT01-B MSV: B15DCQT017 Ngày sinh: 26/01/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	C	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 24/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
49	Bùi Hồng Nhung (Lớp: D15CQQT04-B MSV: B15DCQT132 Ngày sinh: 05/12/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 15/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 15/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
50	Khổng Thị Minh Thùy (Lớp: D15CQQT02-B MSV: B15DCQT170 Ngày sinh: 27/05/1997	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.6	10	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
50	CMT/CC: 0)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	ngày 09/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 09/5/2022
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
51	Nguyễn Thị Liên (Lớp: D15CQQT03-B MSV: B15DCQT103 Ngày sinh: 13/12/1997 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 520), cấp ngày 09/5/2020, thời hạn của chứng chỉ: 09/5/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	2.6	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
52	Nguyễn Thị Thu Hằng (Lớp: D15CQCN06-B MSV: B15DCCN193 Ngày sinh: 19/06/1997 CMT/CC: 164605626)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 20/6/2022, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	V	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
53	Nguyễn Ngọc Tâm (Lớp: D15CQCN07-B MSV: B15DCCN480 Ngày sinh: 07/09/1997 CMT/CC: 197348102)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.5	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 19/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.5	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
54	Đào Thị Vân Anh (Lớp: D15CQVT07-B MSV: B15DCVT015 Ngày sinh: 31/10/1997 CMT/CC: 142842787)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 20/6/2020, thời hạn của chứng chỉ: 20/6/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.5	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

Danh sách gồm 54 sinh viên

LẬP BIỂU

KT. GIÁM ĐỐC

Chu Phương Hiền

TS. Vũ Tuấn Lâm